

Bản án số: 104/2022/HS-ST
Ngày: 09-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên
2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 117/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 đối với:

1. Bị cáo Phan Thị Thúy N (tên gọi khác M), ngày sinh 12 tháng 02 năm 1982, tại tỉnh Khánh Hòa; Nơi đăng ký thường trú: Số 4 đường B, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Thế Q và bà Nguyễn Thị Bảo C (đã chết); Hoàn cảnh gia đình: Chồng Nguyễn Văn D, năm sinh 1975 và 03 người con Nguyễn Văn Quốc H, năm sinh 2001; Nguyễn Văn Quốc H1, năm sinh 2005; Nguyễn Văn Quốc H, năm sinh 2018; Tiền án - Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày: 15/8/2022. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo Trần Quang T, ngày sinh 04 tháng 8 năm 1996, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký thường trú: Số 58 (số cũ 25/15) đường N, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con Trần Ngọc T1 và bà Nguyễn Thị L; Hoàn cảnh gia đình: Người chung sống (chưa đăng ký kết hôn), con Trần Nguyễn Quang P, năm sinh 2017

và Trần Nguyễn Bảo D1, năm sinh 2018; Tiền án - Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày: 15/8/2022. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phan Thị T2, năm sinh 1967; Địa chỉ thường trú: Số A đường L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: Số B đường H, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Nguyễn Thị L, năm sinh 1959; Địa chỉ thường trú: Số B đường N, Phường F, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Nguyễn Thị T3, năm sinh 1969; Địa chỉ thường trú: Số H Khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 30 phút ngày 15/8/2022, Đội Cảnh sát điều tra về ma túy Công an quận T tuần tra đến trước nhà số 108A đường B, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện đối tượng nghi vấn (Trần Quang T) đang điều khiển xe máy Honda Wave, biển số 59P1-856.02 có biểu hiện nghi vấn nên dừng xe kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang trong túi quần phía sau, bên trái T đang mặc có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu. T thừa nhận gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy đá nên mời T về trụ sở Công an làm việc.

Tại Cơ quan Công an, T khai nhận ma túy mua của người đàn ông tên B (không rõ lai lịch) vào trưa cùng ngày với giá 600.000 đồng. Ngoài ra, T còn khai nhận khoảng hai tuần trước có liên lạc với một người phụ nữ tên M1 mua 1.200.000 đồng ma túy đá và đã sử dụng hết. Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày 15/8/2022, T liên lạc với M1 đặt mua 01 gói ma túy đá với giá 1.200.000 đồng và hẹn gặp giao ma túy tại khu vực đường B, quận T nhưng chưa kịp gặp mua ma túy của M1 thì bị Cơ quan Công an kiểm tra bắt giữ.

Khoảng 21 giờ 00 cùng ngày, tại trước nhà số 36 đường B, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận T phát hiện người phụ nữ (Phan Thị T2) đang điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave biển số 55Y2-9187 chở một người phụ nữ (Phan Thị Thúy N) có biểu hiện nghi vấn nên dừng xe kiểm tra, bắt quả tang trong túi áo, bên trái của N đang mặc có 01 gói giấy bọc 01 gói nylon chứa tinh thể không màu. N thừa nhận gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy nên mời N về trụ sở Công an làm việc.

Tại Cơ quan Công an, N khai nhận: Trưa cùng ngày, N đến khu vực Công viên L, đường C để tìm mua 01 gói ma túy đá của một người phụ nữ (không rõ lai lịch) với giá 1.000.000 đồng rồi bán kiếm lãi. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày có một người khách nam đã từng mua ma túy của N, đặt mua 1.200.000 đồng và hẹn giao ở đường B, quận T. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng

ngày, N nhờ chị Phan Thị T2 chở đến đường B, quận T thì bị Công an kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang và thu giữ ma túy như trên.

Vật chứng của vụ án:

- 01 gói niêm phong bằng bao thư còn nguyên vẹn, bên ngoài có chữ ký của giám định viên phòng PC09, ghi số 980/2022.T.Bình.

- 01 gói niêm phong bằng bao thư còn nguyên vẹn, bên ngoài có chữ ký của giám định viên phòng PC09, ghi số 979/2022.T.Bình.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, số IMEI in trên khay sim: 355336084081362, gắn simcard MobiFone in dãy số 8401-1809-1229-9248 thu giữ của bị cáo T

- 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, số IMEI: 358991099695015, gắn simcard MobiFone in dãy số 8401-1808-2414-2252 thu giữ của bị cáo N

- 01 bình hút bằng nhựa có gắn ống hút và nỏ thủy tinh và 01 bật lửa (quẹt).

Tại bản cáo trạng số 108/CT-VKS-TB ngày 25/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình truy tố bị cáo N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo N và T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai phạm tội giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Xử phạt bị cáo N từ 06 năm đến 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 .

Xử phạt bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về vật chứng thì đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, không có tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào hành vi phạm tội của các bị cáo theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được thì việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình ra quyết định tạm giữ, khởi tố vụ án, khởi tố các bị can, ra quyết định tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với bị cáo N về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và đối với bị cáo T về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố các bị cáo, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phân xét hỏi, thẩm tra các tài liệu, chứng cứ, luận tội, tranh tụng nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo N: Xét thấy lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo N đã có hành vi mua bán 2,4895 gam ma túy thể rắn loại Methamphetamine nhằm mục đích mua bán, đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, mà còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức và biết rõ tác hại của việc mua bán chất ma túy là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị rất nghiêm khắc, nhưng chỉ vì lợi nhuận mà bị cáo đã bất chấp tất cả, xem thường pháp luật và lợi ích của cộng đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc là tù có thời hạn nhằm mục đích cải tạo, giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo nhận thức về tác hại của ma túy, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo T: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của người làm chứng cùng tang vật, các tài liệu chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo T đã có hành vi mua 1,3459 gam ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, nhằm mục đích sử dụng, đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Methamphetamine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam”, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo là nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội. Nó không chỉ là hành vi xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, tạo điều kiện làm gia tăng tệ nạn nghiện hút ma túy trong thanh thiếu niên và còn là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức và biết rõ tác hại của việc cất giấu chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị rất nghiêm khắc, nhưng chỉ vì muốn thỏa mãn cơn nghiện mà bị cáo đã bất chấp tất cả, xem thường pháp luật và lợi ích của cộng đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù nhằm mục đích cải tạo, giáo dục, tạo điều kiện cho bị cáo cai nghiện một cách triệt để, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình căn cứ vào vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo đề nghị áp dụng điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo N và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự và sung công: Buộc bị cáo N nộp lại 1.200.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy cho bị cáo T để sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda thu giữ của bị cáo T và T khai xe mượn của mẹ tên Nguyễn Thị L để đi mua đồ ăn. Kết quả xác minh xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave RS biển số 59P1- 856.02, số máy JC52E1155305, số khung RLHJC528DY033482 do bà Nguyễn Thị L đứng tên đăng ký và chủ sở hữu. Bà L khai vào chiều tối ngày 15/8/2022, bà để chiếc xe máy tại nhà thì T nói mượn xe để đi mua đồ ăn, khoảng hai giờ sau thì Cơ quan Công an đưa T về khám xét nhà và giữ xe. Như vậy, xe máy trên là của bà L và việc bị cáo T dùng xe vào việc đi mua ma túy thì bà L không biết. Bà L đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T trả xe theo quyết định xử lý vật chứng số 3261/QĐ-MT ngày 13/9/2022 và bà L đã nhận xe theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 14/10/2022 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda, biển số 55Y2-9187 thu giữ của bà Phan Thị T2 là người chở bị cáo N. Kết quả xác minh xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX biển số 55Y2-9187, số máy JC43E-5700209, số khung 4321AY-226521 do bà Nguyễn Thị T3 đứng tên đăng ký và sở hữu. Bà T2 khai vào tối ngày 15/8/2022, N gọi bà qua chở đi công việc và sẵn có xe của bà T3 (là mẹ của bạn trai con gái bà T2) đến chơi nên bà T2 mượn xe của bà T3 và bà T2 không biết chở N đi bán ma túy. Bà T3 khai xe máy trên là của bà, vào tối 15/8/2022 con trai chở bà đến nhà bạn gái (con bà T2) chơi thì bà T2 có nói mượn xe của bà để đi mua ít đồ và sau đó bà được biết xe máy của bà có liên quan đến việc mua bán ma túy. Như vậy, xe máy trên là của bà T3 và việc bà T2 mượn xe chở N đi bán ma túy thì bà T3 không biết. Bà T3 đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T trả xe theo quyết định xử lý vật chứng số 3260/QĐ-MT ngày 13/9/2022 và bà T3 đã nhận xe theo biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 14/10/2022 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 02 gói niêm phong bằng bao thư còn nguyên vẹn, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Phạm Hoàng T4-Vi Thị Hồng H2, ghi số 980/2022.T.B1 và 979/2022.T.B1 (là tang vật ma túy còn lại sau giám định) là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu và tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, số IMEI in trên khay sim: 355336084081362, gắn simcard MobiFone in dãy số 8401-1809-1229-9248 thu giữ của bị cáo T và 01 máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, số IMEI: 358991099695015, gắn simcard MobiFone in dãy số 8401-1808-2414-2252 thu giữ của bị cáo N. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 bình hút bằng nhựa có gắn ống hút và nỏ thủy tinh, 01 bật lửa (quẹt) thu giữ của bị cáo T. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo dùng vào việc phạm tội và là vật không có giá trị nên tịch thu và tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm n và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phan Thị Thúy N;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Quang T;

Căn cứ khoản 1, điểm a và c khoản 2 Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Áp dụng Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Tuyên bố bị cáo Phan Thị Thúy N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Trần Quang T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Thúy N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

Xử phạt bị cáo Trần Quang T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 8 năm 2022.

[2] Về trách nhiệm dân sự và sung công: Buộc bị cáo Phan Thị Thúy N nộp lại 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán ma túy cho bị cáo T để sung công quỹ Nhà nước.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu và tiêu hủy: 02 (hai) gói niêm phong bằng bao thư còn nguyên vẹn, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Phạm Hoàng T4-Vi Thị Hồng H2, ghi số 980/2022.T.Bình và 979/2022.T.Bình là ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) bình hút bằng nhựa có gắn ống hút và nỏ thủy tinh; 01 (một) bật lửa (quẹt).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu trắng, số IMEI in trên khay sim: 355336084081362, gắn simcard MobiFone in dãy số 8401-1809-1229-9248 và 01 (một) máy điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, số IMEI: 358991099695015, gắn simcard MobiFone in dãy số 8401-1808-2414-2252.

(Theo quyết định chuyển vật chứng số 90/QĐ-VKS ngày 25/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình).

[4] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại

phiên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tp Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tp Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Công an quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Sở Tư pháp tp Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS Công an tp Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn Nhu